

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 497/QĐ- CTHADS

Phú Thọ, ngày 28 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2018

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BTP ngày 17/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phân cấp quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản cho Tổng cục Thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Cục có trách nhiệm thông báo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2018 đến cán bộ công chức, người lao động được giao quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Cục và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS(B/c);
- Cục trưởng (B/c);
- Lưu VT; KTHCSN. *Hg*

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hg
Nguyễn Văn Hoa

Bộ, tỉnh: BỘ TƯ PHÁP

Cơ quan quản lý cấp trên: TÓNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: CỤC THADS TỈNH PHÚ THỌ

Mã đơn vị: 1054134

Loại hình đơn vị: Hành chính

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2018

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Ng hìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm(nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp		3	0	0	0	344.115						
2	Xe ô tô		0	0	0	0	0						
3	Tài sản cố định khác		3				344.115					0	0
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	12	Dell OptiPlex	Malaxia	2018	178.728	Mua sắm đầu thầu	Công ty cổ phần giải pháp Siêu Việt				
	Máy vi tính xách tay	C	2	ASUS X542	Trung Quốc	2018	29.700	Mua sắm đầu thầu	Công ty TNHH Thiết bị BTN Việt Nam				
2	Máy in A3	C	1	HP M706	Trung Quốc	2018	19.855	Mua sắm đầu thầu	Công ty cổ phần giải pháp Siêu Việt				
3	Máy in A4	C	6	HP M203	Trung Quốc	2018	41.382	Mua sắm đầu thầu	Công ty cổ phần giải pháp Siêu Việt				

4	Máy in A4	C	1	Brother 2321	Trung Quốc	2017	5.000	Mua sắm đầu thầu	Công ty TNHH Phát triển công nghệ máy tính Minh Châu			
5	Máy photocopy	C	1	Fuji Xerox 2060	Trung Quốc	2018	49.500	Mua sắm đầu thầu	Công ty TNHH Tân Hồng Hà			
6	Máy lọc nước	C	1	Kanguru	Việt Nam	2018	6.000	Mua sắm trực tiếp	Nguyễn Anh Tuấn - Minh Nông - Việt Trì - Phủ Thọ			
7	Máy điều hoà nhiệt độ	C	1	Casper	Thái Lan	2018	13.950	Mua sắm trực tiếp	Doanh nghiệp tư nhân Minh Anh Việt Trì			

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hương

Phủ Thọ, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hoa

Bộ, tỉnh: BỘ TƯ PHÁP

Cơ quan quản lý cấp trên: TỔNG CỤC THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: CỤC THADS TỈNH PHÚ THỌ

Mã đơn vị: 1054134

Loại hình đơn vị: Hành chính

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2018

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà						Ghi chú				
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)			Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo số kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))											
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác					
					Không kinh doanh	Kinh doanh						Cho thuê liên kết	Liên doanh, liên kết	Cho thuê	Kinh doanh	Không kinh doanh			Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	Trụ sở làm việc Cục THADS tỉnh; Cũm kho vật chứng Cục THADS tỉnh và Chi cục THADS TP Việt Trì	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	Tổng cộng:	0	-	0	0	0	0	0	0	0	2016	2.426	31.158.000	29.911.680	2.426	0	0	0	0	0	0	0

Người lập

Nguyễn Xuân Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Hương

Phụ lục ngày 28/11/2018, tháng 01 năm 2019



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC NĂM 2018

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kê toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
					Nguyên giá		Giá trị còn lại			Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó	Nguyên sách	Nguyên khác	7							
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
	Tổng cộng			173	3.149.092	3.144.092	5.000	1.161.561								
I	Xe ô tô			3	1.765.405	1.765.405	-	366.499								
1	Xe ô tô Zace	Cục THADS tỉnh	2006	1	519.610	519.610		-								
2	Xe ô tô Altis	Cục THADS tỉnh	2012	1	806.400	806.400		322.560								
3	Xe ô tô bán tải	Cục THADS tỉnh	2009	1	439.395	439.395		43.939								
II	Tài sản cố định khác			170	1.383.687	1.378.687	5.000	795.062								
1	Máy phát điện	Cục THADS tỉnh	2013	1	50.000	50.000		14.000								
2	Máy vi tính để bàn	Phòng Nghiệp vụ	2014	2	19.980	19.980		3.996								
3	Máy vi tính để bàn	Phòng Nghiệp vụ	2015	1	10.000	10.000		4.000								
4	Máy vi tính để bàn	Văn phòng (Văn thư)	2015	1	10.000	10.000		4.000								
5	Máy vi tính để bàn	Văn phòng (Thủ lý)	2016	1	14.984	14.984		5.993								
6	Máy vi tính để bàn	Phòng Kiểm tra	2015	2	20.000	20.000		8.000								
7	Máy vi tính để bàn	P. Chánh Văn phòng	2015	1	10.000	10.000		4.000								
8	Máy vi tính để bàn	Phòng TCCB	2015	2	20.000	20.000		8.000								
9	Máy vi tính để bàn	Phòng Nghiệp vụ	2015	2	20.000	20.000		8.000								
10	Máy vi tính để bàn	Văn phòng	2015	1	10.000	10.000		4.000								
11	Máy vi tính để bàn	Đ/c Cục trưởng	2017	1	13.000	13.000		7.800								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng								
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác		
					Tổng cộng	Trong đó	Nguyên sách									Nguyên khác	
78	Phần mềm Kế toán NV	Văn phòng (Đ/c Hanh)	2006	1	5.000	5.000	5.000	5.000									
79	Phần mềm QL Tài sản	Văn phòng (Đ/c Hương)	2014	1	5.000	5.000	5.000	5.000									
80	Kệ để tài liệu	Văn phòng (Thủ kho)	2015	30	90.000	90.000	90.000	56.250									

Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Xuân Hương

Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Xuân Hương

Phụ Thủ ngày 28 tháng 01 năm 2019

Phụ Thủ đơn vị



Nguyễn Văn Hoa

Cơ quan quản lý cấp trên: TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: CỤC THADS TỈNH PHÚ THỌ

Mã đơn vị: 1054134

Loại hình đơn vị: Hành chính

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2018

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Tài sản cố định khác	381.047	-	-	-	-	-	-	-	-	-	700	-	-	700	
1	Xe máy Jupiter	22.050		0			x				Bán TL	350			350	
2	Máy tính xách tay	15.000		0			x				Bán TL	10			10	
3	Máy tính để bàn	50.000		0			x				Bán TL	30			30	
4	Máy tính để bàn	70.000		0			x				Bán TL	50			50	
5	Máy photocopy	100.000		0			x				Bán TL	100			100	
6	Máy in A4	20.000		0			x				Bán TL	10			10	
7	Máy in A4	15.000		0			x				Bán TL	10			10	
8	Máy in A3	20.000		0			x				Bán TL	20			20	
9	Loa cầm tay	2.777		0			x				Bán TL	10			10	
10	Máy ghi âm	2.600		0			x				Bán TL	10			10	
11	Bàn ghế làm việc	22.000		0			x				Bán TL	20			20	

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú		
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy		Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng			Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
12	Bàn ghế làm việc	1.620		0			x				10		10			
13	Tủ tài liệu	5.000		0			x				10		10			
14	Tủ hồ sơ	2.400		0			x				10		10			
15	Bàn ghế làm việc	6.200		0			x				20		20			
16	Kệ sắt để tài liệu	20.000		0			x				20		20			
17	Máy đếm tiền	6.400		0			x				10		10			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Xuân Hương

Nguyễn Xuân Hương

Phủ Thọ, ngày 28 tháng 01 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

